

# Người già ở Việt Nam: sức khỏe và chăm sóc

**PGS.TS. BÙI THẾ CƯỜNG**  
Viện KHXH Vùng Nam Bộ  
[cuongbuithe@yahoo.com](mailto:cuongbuithe@yahoo.com)

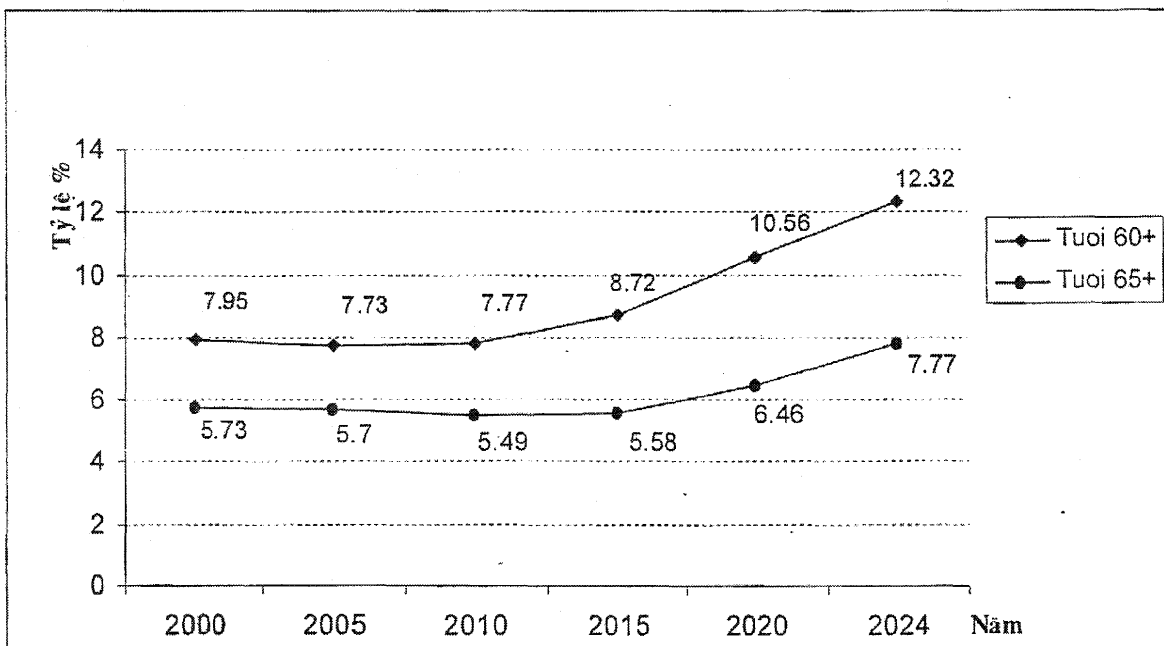


## 1. BỐI CẢNH VĨ MÔ

### 1.1. GIÀ HOÁ DÂN CƯ

- Sự già hóa dân số ở Việt Nam sẽ bắt đầu mạnh sau 2010.
- Ngay từ giữa những năm 1990 tỷ lệ 75+ trong người cao tuổi (60+) đã tăng mạnh và sẽ suốt thập niên sau. 2010: 29%, cao hơn bất kỳ nước châu Á nào khác.
- Tỷ suất giới tính (số người già nữ so với người già nam): 1,5 lần vào 2010.

**Biểu đồ 1. Xu hướng già hoá dân số Việt Nam, 2000-2024**



### 1.2. BIẾN ĐỔI XÃ HỘI KỊCH TÍNH

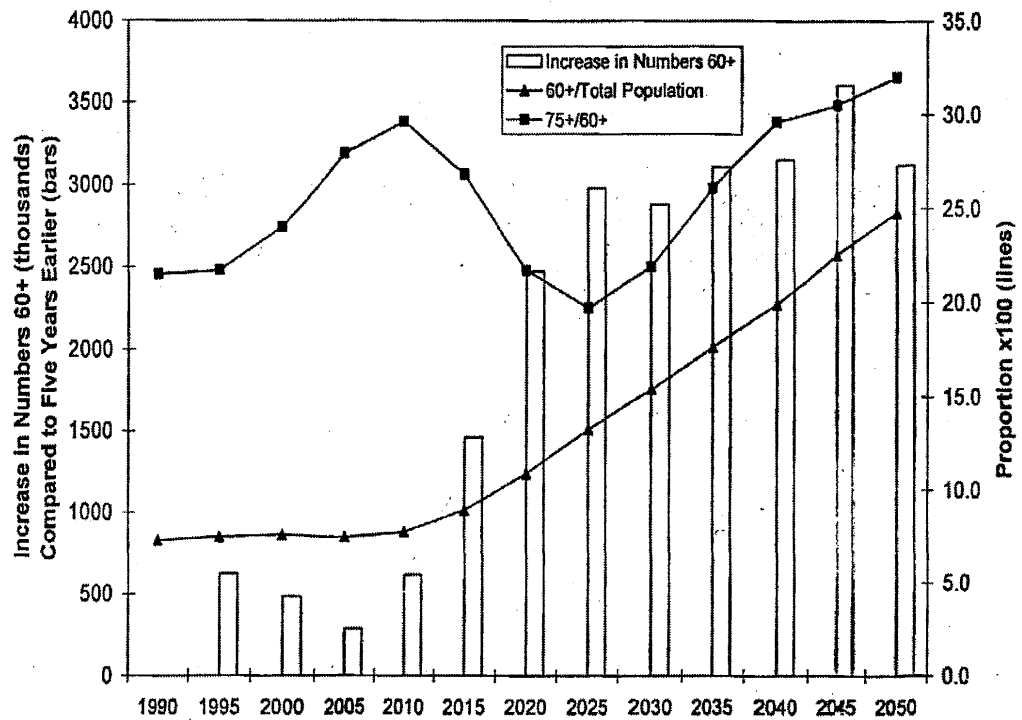
Những kinh nghiệm xã hội đầy kịch tính rất ít thế hệ từng trải qua:

- Thời kỳ chiến tranh kéo dài và biến động xã hội liên miên (1945-1975).
- Thời kỳ hậu chiến, khủng hoảng kinh tế-xã hội, và chuyển sang Đổi Mới (1975-đầu thập niên 1990).
- Thời kỳ tăng trưởng kinh tế nhanh và phát triển xã hội (khoảng giữa thập niên 1990 đến nay).

**ĐIỀU MAY MẮN: 10 NĂM QUA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO**

- Mức sống đa số dân cư tăng.
- Nghèo giảm nhanh.
- Nhà nước chi nhiều hơn cho phúc lợi xã hội.
- Người cao tuổi hưởng lợi một phần từ những thành quả nói trên của xã hội và gia đình.
- Vẫn đang "sống chung" với nhiều khó khăn kinh niên chưa giải quyết được, và những thách thức phía trước do biến đổi quá nhanh chóng.

Figure 2. Increase in Numbers of Vietnamese 60+ (000s), Proportion 60+ in the Population, and Proportion 75+ to 60+; Every Five Years, 1990-2050



Source: Produced from International Data Base of the U.S. Census Bureau at [www.census.gov](http://www.census.gov).

### 1.3. TÁI ĐỊNH HÌNH HÌNH PHÚC LỢI XÃ HỘI

- Pha trộn của ba kiểu phúc lợi xã hội: truyền thống, chủ nghĩa xã hội dựa trên nền kinh tế kế hoạch tập trung, phúc lợi dựa trên nền kinh tế thị trường.
- Sự định hình lại thực tiễn phúc lợi xã hội này trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người cao tuổi Việt Nam.

### 1.4. NHỮNG THÁCH THỨC PHÍA TRƯỚC TRONG 10-20 NĂM TỚI

- Xã hội trải qua những biến đổi kịch liệt, do công nghiệp hoá hiện đại hoá quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá.
- Đây là không gian xã hội của thế hệ người cao tuổi Việt Nam trong 1-2 thập niên tới.

### MỘT LOẠT THÁCH THỨC ĐANG NỔI LÊN LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Sự già hóa dân cư đang tăng lên khi thời gian đang đi tới những thập niên sau 2010.
- Di dân và thay đổi chỗ ở, đặc biệt lao động trẻ và trung niên, tăng lên nhanh chóng.
- Biến đổi mạnh mẽ hệ thống giá trị và cấu trúc xã hội.

- Biến đổi mạnh mẽ kiểu gia đình và các dần xếp đời sống gia đình.
- Nghèo khổ và nghèo khổ mới, mặc dù tăng trưởng kinh tế.

## 2. VÀI KẾT QUẢ TỪ NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG

### 2.1. TRIỆU CHỨNG ỒM YẾU

- Hơn 80% có trạng thái kém ăn, khó ngủ và mệt mỏi ở mức độ thỉnh thoảng hay thường xuyên.
- 70,7% nhận rằng trí nhớ kém, thiếu tập trung. Khoảng 1/3 nói thỉnh thoảng hoặc thường xuyên cảm thấy lo buồn điều gì đó. Khoảng 1/4 có cảm giác cô đơn.

### 2.2. TRIỆU CHỨNG BỆNH TẬT

Tỷ lệ mắc các triệu chứng bệnh tật cho toàn mẫu nghiên cứu tăng từ bệnh đường tiêu hoá (26,9%), đến đau ngực (37,2%), bệnh đường thở (47,2%), hoa mắt chóng mặt (67,3%), đau đầu (75,3%), và đau khớp (76,9%).

### 2.3. TỰ ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE

Chỉ 10,7% cho rằng bản thân có sức khoẻ tốt, 38,6% ở mức trung bình và một nửa cho rằng kém sức khoẻ.

### 2.4. THÓI QUEN LIÊN QUAN ĐẾN SỨC KHỎE

86,4% người cao tuổi trong toàn mẫu không tập thể dục hoặc các hoạt động tương đương (đi bộ, chạy). Chỉ 0,4% thỉnh thoảng tập và 13,2% tập hàng ngày. Khác biệt giới rất đáng kể: các cụ ông chăm tập thể dục hơn các cụ bà (23,1% cụ ông tập thể dục hàng ngày so với 6,4% cụ bà).

### 2.5. KHÁM BỆNH KHI ĐAU ỒM

- "Không đi khám bệnh, tự uống thuốc" (33,7%), trong đó nông thôn và thị xã cao hơn Hà Nội (33,9% và 39,0% so với 25,0%).
- Khám thầy thuốc Tây y tư nhân: 31,3%
- Có 15,2% thường đến khám bệnh ở đơn vị y tế công cộng cơ sở.
- Khoảng 4% trên toàn mẫu trả lời rằng nói chung không đi khám cũng không uống thuốc

### 2.6. CHĂM SÓC CỦA GIA ĐÌNH KHI ỒM

Được người thân gia đình chăm sóc (98,6%). Chủ yếu dựa vào nguồn tài chính bản thân hoặc của hai vợ chồng (60,3%), kế đó là sự giúp đỡ chủ yếu của con trai đã kết hôn (26,2%) và của con gái đã kết hôn (5,8%).

## 3. VÀI KẾT QUẢ TỪ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

### 3.1. NỖ LO LỚN: TIỀN ĐÁU CHO SỨC KHỎE?

"Ví dụ bây giờ tôi có đau là chết thôi, không có tiền đâu đi bệnh viện lo thuốc men. Cuộc sống mình bình thường ba bữa ăn một ngày là mình thấy đỡ lo, còn nếu có đại sự trong gia đình là mối lo rất lớn" (L, 56, nữ, QNg).

"Tui ra bệnh viện thị xã, ra đó nó cho cái toa, mình hông có tiền. Xem toa về cứ bỏ túi hoài. Riết rồi cũng hết bệnh luôn" (NKD, 64, nữ, PTh).

"Bữa hôm tui xin nằm (viện) vì nó mệt quá chùng đi. Nó đuối hết trơn rồi, cả 10 ngày hông có ăn uống gì hết đó. Tui nói, thôi chú cho tui nằm đi, cho tui dưỡng bệnh đi,

trong mình tui rệu rã rồi. Hồng được đầu bà, cho cái toa bà về mua thuốc thôi. Mà đã mình không có tiền, nó cho về uống thuốc gì mấy chục ngàn. ổng nói, mua cái gì, tiền đâu mà mua. Rồi thôi. Nó khổ lắm. Gia đình khổ lắm. Nhóm bẻ ngoài thì hồng thấy gì chứ...." (NKD, 64, nữ, PTh).

### 3.2. CON CÁI LÀ NGƯỜI GIÚP ĐẦU TIÊN

"Các con đều tập trung về hết, nghe nói bố mẹ ốm là con cái chúng nó về hết. Đưa ở nhà thì nó phải chịu cực hơn, mấy đứa ở xa về thì mỗi đứa đóng góp ít nhiều gì đó để thuốc men cho ông bà" (TrVL, nam, 64, XH).

### 3.3. PHÂN CÔNG GIỚI TRONG CHĂM SÓC CHA MẸ GIÀ ĐAU ỒM

Quan niệm nông thôn miền Bắc: trách nhiệm của gia đình con trai trưởng, sau đó là của mọi gia đình con trai. Con gái không được yêu cầu đóng góp kinh tế" (Tg, Chi hội trưởng HNCT, AM).

#### VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CON GÁI ĐÃ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG VIỆC CHĂM SÓC CHA MẸ GIÀ

"Kể cả về mặt tình cảm, vẫn cứ là người con trai thường hay gần gũi với các cụ nhiều hơn, cả trong những việc như làm vệ sinh cho các cụ khi ốm đau. Hoặc là người con dâu làm những việc đó, nhưng do người chồng chỉ đạo" (Đ, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã, AM).

"Hầu hết khi cha mẹ đau ốm thì con gái trực tiếp chăm sóc hơn. Con trai hay giúp ông bà tiền, nhưng về tình cảm thì con gái nó vẫn gần gũi, chăm sóc hơn. Con trai nó cũng tốt, chứ không phải nó không chú ý đến ông bà. Nhưng đa số thì thấy con gái nó tình cảm, chăm lo nhiều cho cha mẹ hơn" (L, trên 60, nữ, TP HCM).

### 3.4. BỆNH VIỆN: SỢ VÀ GHÉT

"Nói thiệt chứ giờ tuổi già rồi, nhiều khi bác cũng tự ái lắm. Lên tới nhà thương ấy, nó nạt lộ, nó mắng nhiếc. Mình già rồi mà đợi nó, nói thiệt với cậu nó nạt tôi còn hơn con ấy, nó nói gì mà mình không hiểu, hỏi lại nó nạt không ấy. Bây giờ bác cũng đang bệnh lắm mà hồng có đi nhà thương đâu. Bác chích ở đây nhưng mà lúc có tiền thì đi, lúc nào bác không có tiền thì bác nghỉ. Chích tư ở đây nó mắc lắm. Cứ ném tiền đi, có đồng nào đâu chắt bóp được vậy. Mà lên đến nhà thương chờ chờ, cái gì không hiểu hỏi lại nó lại nạt không à, nó nạt mình, ở nhà thương này này. Bác sĩ thì người ta đối với mình đàng hoàng nhưng mà cấp dưới ấy. Nhiều khi bệnh bệnh chứ bác nói bệnh chùng nào ở ngoài này trị không được thì bác mới tới nhà thương chứ chán nhà thương quá trời luôn. Mà cháu hỏi hết 100.000 người, nói đến nhà thương VL là ai cũng đều oán hận hết, hồng thích vì hồng có được đàng hoàng đối với bệnh nhân. Mà tuổi già, mình đáng ông bà cha mẹ nó mà nó nạt tới, mình tự ái muốn chết" (NTĐ, 63, nữ, SP).

"[Vi sao lại đi khám tư không khám nhà nước?] Thấy chờ đợi này chi bực mình, tính tôi chỗ nào mà chờ đợi bực mình lắm. Thí dụ trong đó mười ngàn, ngoài hai chục ngàn, đi mẹ cho nó khoẻ khoẻ. Bác sĩ nhà thương lớn, bệnh viện nào cũng vậy thôi, về nhà ông chăm sóc kỹ, vô trong đó thì không được như ở nhà. Mà đa số bác sĩ từ giờ là ai, những bác sĩ làm trong bệnh viện lớn ra mở bác sĩ tư ngoài, đâu có bác sĩ nào không làm việc nhà nước mà ra mở được đâu. Bác sĩ tư thì nó thoải mái hơn, bệnh hoạn thì mình hỏi này kia nọ, còn bác sĩ trong bệnh viện hỏi đâu có trả lời, hỏi đâu có được. Khám ở ngoài thì mắc hơn, thí dụ như nhà tư thì nó 15 ngàn. Chú thấy hơn năm

ngàn đi cho nó nhanh, vô nhà thương chờ mất chuyện làm ăn, mình tính đó bao nhiêu thì mình trang qua trang lại cũng vô đó à. Thí dụ như giờ chú lo làm ăn, vô bắt chú chờ 3 tiếng, 1 tiếng chú làm bao nhiêu tiền, phải không. Cái gì mình tranh thủ mình làm nó thoải mái người mình, khi vô đây chờ bực mình lắm" (DVCh, 63, nam, P4).

"Cái gì cũng tốn tiền không à. Chẳng nói gì chứ hồi mà vợ tôi nằm bệnh viện Từ Dũ đây này, nằm cái gì cũng tiền hết. Vô mà hỏi thăm vợ tôi có khoẻ không là ra hết 5.000 rồi đó. Vô hỏi, trả lời mất 5.000. Bất cứ cái gì cũng tiền hết. Không có cái nào không có tiền, từ thay ga, thay quần áo, cái gì cũng tiền hết. Bữa nằm trên đó tốn tiền quá trời. Đi lại thang máy, nằm ở trong đó, đưa ra xuống thang máy cũng phải có tiền, mất 5-10.000 chứ đâu có ít. Giờ không có tiền thì chết" (NC, 57, nam, P4).

**Bảng 1. Tỷ lệ người cao tuổi nhận giúp đỡ và chăm sóc của ít nhất một người con, RRDES, 1996**

	Chung	Giới		Tuổi		Khu vực		
		Nam	Nữ	60-69	70+	Nôngthôn	Thị xã	HàNội
Chung	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Tiền/vật dụng lớn								
Không	65,2	69,4	62,3	70,9	58,6	67,0	61,9	46,0
Thỉnh thoảng	32,3	27,5	35,5	28,3	36,9	31,1	31,6	48,2
Thường xuyên	2,5	3,0	2,2	0,8	4,5	1,9	6,5	5,8
Thức ăn/vật dụng nhỏ								
Không	13,6	17,0	11,2	15,7	11,2	12,9	23,6	9,8
Thỉnh thoảng	61,6	61,6	61,6	66,3	56,2	62,8	45,8	67,1
Thường xuyên	24,8	21,5	27,1	18,1	32,7	24,3	30,6	23,1
Thăm nom								
Không	0,3	0,2	0,4	0,2	0,4	0,2	0,0	2,7
Thỉnh thoảng	26,1	24,0	27,5	24,7	27,8	26,4	19,2	30,0
Thường xuyên	73,6	75,8	72,1	75,0	71,8	73,4	80,0	67,4
Chuyên trò								
Không	0,2	0,2	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,5
Thỉnh thoảng	13,2	11,7	14,3	12,0	14,7	13,1	9,9	19,6
Thường xuyên	86,6	88,1	85,6	87,8	85,2	86,8	90,0	79,8
Sinh hoạt hàng ngày								
Không	72,1	74,1	70,6	74,5	69,2	70,4	84,2	78,9
Thỉnh thoảng	17,1	15,6	18,2	15,3	19,3	18,3	7,4	13,6
Thường xuyên	10,8	10,3	11,2	10,2	11,6	11,3	8,4	7,5
Sản xuất kinh doanh								
Không	34,2	36,1	32,9	31,9	36,8	23,8	94,2	94,7
Thỉnh thoảng	22,4	22,6	22,3	26,3	17,9	26,0	1,7	1,2
Thường xuyên	43,4	41,4	44,8	41,8	45,3	50,2	4,1	4,1

**Bảng 2. Tỷ lệ người cao tuổi có những giúp đỡ cho ít nhất một người con, RRDES, 1996**

	Chung	Giới		Tuổi		Khu vực		
		Nam	Nữ	60-69	70+	Nôngthôn	Thị xã	HàNội
Chung	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
<b>Tiền/vật dụng lớn</b>								
Không	94,6	91,5	96,8	92,7	96,9	96,0	82,9	90,6
Thỉnh thoảng	3,8	5,6	2,6	4,7	2,8	3,2	7,2	8,2
Thường xuyên	1,6	2,9	0,7	2,6	0,3	0,8	9,9	1,2
<b>Thức ăn/vật dụng nhỏ</b>								
Không	88,1	86,3	89,3	83,6	93,4	89,9	78,5	76,3
Thỉnh thoảng	5,8	6,6	5,2	7,7	3,6	4,9	6,5	16,2
Thường xuyên	6,1	7,1	5,5	8,8	3,0	5,2	14,9	7,5
<b>Thăm nom</b>								
Không	3,9	1,9	5,5	1,7	6,9	4,1	1,6	4,1
Thỉnh thoảng	40,8	43,6	38,7	38,7	43,6	37,9	46,6	74,5
Thường xuyên	55,3	54,5	55,8	59,6	49,6	58,0	51,7	21,5
<b>Trông cháu nhỏ</b>								
Không	52,5	47,7	55,4	34,5	69,5	51,5	58,3	61,8
Thỉnh thoảng	15,9	18,0	14,7	24,9	7,5	16,2	6,7	24,2
Thường xuyên	31,6	34,4	29,9	40,6	23,1	32,3	35,1	14,0
<b>Sinh hoạt hàng ngày</b>								
Không	78,2	82,1	75,6	82,3	75,3	76,8	81,6	93,4
Thỉnh thoảng	13,9	12,9	14,6	12,2	15,9	15,6	3,8	4,8
Thường xuyên	7,9	5,0	9,8	5,5	10,6	7,7	14,6	1,8
<b>Sản xuất kinh doanh</b>								
Không	91,7	36,1	91,4	90,5	93,1	90,6	98,2	98,3
Thỉnh thoảng	4,4	22,6	3,8	5,5	3,2	5,1	0,4	1,2
Thường xuyên	3,8	41,1	4,8	4,0	3,7	4,3	1,4	0,5

"Đối xử với chúng tôi nó không ra làm sao cả. Đối với bệnh nhân như các cụ cao tuổi về khám, chúng tôi đồng tiền hẳn hoi, đóng là tự trừ của chúng tôi chứ chúng tôi không muốn bảo hiểm y tế làm gì. Tôi đi ra cũng là bệnh viện nhà nước thôi, nhưng mất tiền là trọng vọng. Nào là bác đau chỗ nào, đưa bác đi chụp ngay..., thế này thế khác. Đồng tiền chúng tôi bỏ ra nó thoải mái hơn. Đây, chứ cái tiền trừ [bảo hiểm y tế] của chúng tôi rồi mà đối xử thật là..." (Th, 67, nam, HB).

**Bảng 3. Những dấu hiệu về sức khỏe và bệnh tật ở người cao tuổi, RRDES, 1996**

	Chung	Giới		Tuổi		Khu vực		
		Nam	Nữ	60-69	70+	Nông thôn	Thị xã	Hà Nội
<b>Kém ăn</b>								
Thỉnh thoảng	63,5	58,0	67,3	62,1	65,4	64,9	58,2	53,4
Thường xuyên	14,1	12,0	15,5	8,8	20,0	15,2	7,6	6,9
<b>Khó ngủ</b>								
Thỉnh thoảng	62,2	55,1	66,9	63,9	60,3	62,8	62,0	52,5
Thường xuyên	20,8	19,3	21,8	13,7	28,8	22,3	12,7	10,2
<b>Mệt mỏi</b>								
Thỉnh thoảng	63,6	59,2	66,5	66,1	60,8	64,3	65,4	53,4
Thường xuyên	19,4	15,3	22,1	10,2	30,2	20,8	11,5	10,3
<b>Đau, cơ thất ở ngực</b>								
Thỉnh thoảng	32,5	31,6	33,0	29,3	36,4	33,0	31,6	27,1
Thường xuyên	4,7	2,1	6,5	2,2	7,4	4,8	3,8	5,1
<b>Khó thở, ho, bệnh hô hấp</b>								
Thỉnh thoảng	41,6	45,0	39,2	39,2	44,4	41,6	42,3	40,7
Thường xuyên	5,6	4,0	6,7	2,2	9,5	5,8	3,8	5,1
<b>Đau dạ dày, bệnh đường tiêu hoá</b>								
Thỉnh thoảng	20,4	20,1	20,6	19,9	21,1	19,6	21,8	29,3
Thường xuyên	9,2	10,0	8,6	8,2	10,4	9,7	6,4	6,9
<b>Đau đầu</b>								
Thỉnh thoảng	59,5	56,4	61,5	56,9	62,4	59,5	60,3	57,6
Thường xuyên	15,8	7,0	21,8	15,0	16,7	16,8	11,5	10,2
<b>Hoa mắt, chóng mặt</b>								
Thỉnh thoảng	55,9	51,2	59,0	55,7	55,9	56,9	56,4	41,4
Thường xuyên	11,4	6,2	14,9	8,2	15,1	12,1	6,4	8,6
<b>Đau khớp</b>								
Thỉnh thoảng	54,0	47,9	58,1	58,1	49,2	53,6	55,1	56,9
Thường xuyên	22,9	12,6	29,9	16,0	30,9	24,2	17,9	12,1
<b>Trí nhớ kém, không tập trung</b>								
Thỉnh thoảng	62,3	59,9	63,9	56,1	69,4	65,1	50,6	40,7
Thường xuyên	8,4	3,7	11,5	4,4	13,0	8,4	8,9	6,8
<b>Cảm giác cô đơn</b>								
Thỉnh thoảng	19,2	11,0	24,8	20,3	17,8	19,8	17,7	13,6
Thường xuyên	4,7	1,1	7,2	2,6	7,2	5,0	2,5	3,4
<b>Lo buồn</b>								
Thỉnh thoảng	29,1	23,9	32,7	30,1	28,2	31,8	15,4	12,1
Thường xuyên	13,9	11,3	15,6	11,4	16,7	14,1	15,4	6,9

**Bảng 4. Đánh giá về sức khỏe và các thói quen liên quan đến sức khỏe ở người cao tuổi, RRDES, 1996**

	Chung	Giới		Tuổi		Khu vực		
		Nam	Nữ	60-69	70+	Nôngthôn	Thị xã	Hà Nội
<b>Tự đánh giá sức khỏe bản thân</b>								
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Tốt	10,7	18,0	5,8	12,0	9,0	9,2	16,7	22,4
Trung bình	38,6	44,8	34,3	44,8	31,3	36,7	51,3	46,6
Kém	50,5	37,3	59,4	43,2	59,0	53,8	32,1	31,0
Không trả lời	0,2	0,0	0,5	0,0	0,7	0,3	0,0	0,0
<b>So sánh với những người cùng tuổi và giới</b>								
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Tốt hơn	12,7	21,3	6,8	9,4	16,5	11,0	24,4	20,0
Tương tự	41,3	39,7	42,4	47,4	34,3	41,0	42,3	45,0
Kém hơn	43,0	36,3	47,6	41,6	45,0	45,4	30,8	28,3
Khó nói/Không biết/Không trả lời	3,0	2,7	3,2	1,6	4,2	2,7	2,6	6,7
<b>Tập thể dục, đi dạo, chạy</b>								
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Không/rất thỉnh thoảng	86,9	76,9	93,6	87,7	85,8	90,4	69,2	61,0
Hàng ngày	11,9	20,9	5,9	11,8	12,1	8,6	29,5	35,6
Vài lần trong ngày	1,2	2,1	0,5	0,4	2,1	1,0	1,3	2,4
<b>Chơi thể thao</b>								
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Không/rất thỉnh thoảng	97,9	97,1	98,6	98,8	97,0	98,5	97,5	89,8
1-2 lần tuần/hàng ngày	2,0	3,0	1,4	1,2	3,0	1,5	2,5	10,2

**Bảng 5. Chăm sóc và giúp đỡ tài chính cho người cao tuổi khi ốm đau, RRDES, 1996**

	Chung	Giới		Tuổi		Khu vực		
		Nam	Nữ	60-69	70+	Nôngthôn	Thị xã	Hà Nội
<b>Người chăm sóc gần nhất khi ốm</b>								
Vợ/Chồng	43,3	71,8	24,1	59,8	24,2	41,9	50,8	52,8
Con trai đã kết hôn	29,5	18,2	37,1	19,1	41,5	31,0	20,3	20,8
Con gái đã kết hôn	9,2	4,3	12,4	4,0	15,1	8,4	12,7	15,0

Con dâu	4,0	0,6	6,3	1,6	6,7	4,3	2,9	0,7
Con chưa kết hôn	4,0	0,7	6,1	1,6	6,7	3,9	6,1	1,8
Người thân khác	10,1	4,4	14,0	13,9	5,7	10,5	7,2	8,9
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Mẫu gia trọng N	920	370	550	495	425	785	77	58
Người giúp đỡ tài chính chủ yếu khi ốm đau								
Bản thân/vợ chồng	60,3	66,6	56,2	71,9	47,1	59,4	66,1	65,9
Con trai đã kết hôn	26,2	24,8	27,2	18,0	35,6	28,0	17,0	15,1
Con gái đã kết hôn	5,8	3,6	7,3	2,4	9,6	5,3	9,2	7,6
Con dâu	2,1	0,9	2,8	2,9	1,2	2,1	2,5	0,7
Con chưa kết hôn	3,6	3,2	4,0	3,4	3,9	3,8	1,7	3,5
Người thân khác	1,9	0,9	2,6	1,4	2,5	1,4	3,4	7,1
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Mẫu gia trọng N	867	346	521	462	405	739	74	54
% người cao tuổi khi ốm được chăm sóc bởi								
Vợ/chồng	49,5	75,3	32,1	64,4	32,2	48,1	54,9	61,1
Con trai đã kết hôn	66,8	69,3	65,2	65,2	68,7	69,5	47,4	57,3
Con gái đã kết hôn	46,9	42,4	49,9	44,3	49,9	46,8	40,1	56,9
Con dâu	31,7	24,8	36,3	25,5	38,8	33,0	22,5	25,6
Con chưa kết hôn	15,7	10,9	19,0	13,9	17,9	15,3	17,2	19,2
Người thân khác	24,7	20,5	27,6	28,2	20,7	23,8	27,1	33,6
Mẫu gia trọng N	930	374	556	499	431	793	78	59